

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 690/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Bưu Điện
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 44/T10/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 690/BB ngày 06 tháng 10 năm 2025
 Ngày phân tích : 07/10/2025 - 08/10/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.88	2	PP/NTU
2	Mùi, vị (*)	-	Không mùi, không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
3	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2023
4	Chỉ số pH	-	7.23	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Clo dư	mg/L	0.50	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
6	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
7	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	245	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.32	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.95	2	TCVN 6180:1996
6	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod: 0.026</i>	0.1	PP/MN
7	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	310.6	1000	PP/TDS

8	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
9	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

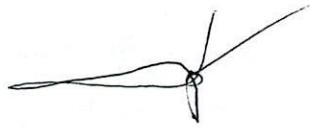
Sơn La, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



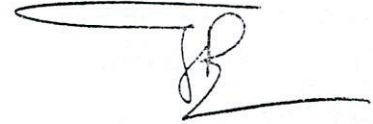
Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến. (*) Thông số thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- L_{od} của NO₂ được tính theo N = 0.024.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098



ISO 9001:2015

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.10.27.37/TN

Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Bưu Điện – CNCN Mộc Châu
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.10.07/BBGM. Ngày 07 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
02	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	<0,12	0,3	SMEWW 4500-NH ₄ ⁺ E:2017
03	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
04	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
05	Natri (Na) (*)	mg/l	3,18	200	SMEWW 3111.B:2017
06	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,044	0,2	SMEWW 3125:2023
07	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
08	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
09	Benzen(*)	µg/l	<0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
10	Etylbenzen(*)	µg/l	<9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
11	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	0,310	1	NIOEH.HD.H.PP. 44:2022
12	Styren(*)	µg/l	<5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995

13	Toluen(*)	µg/l	<9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
14	Xylen(*)	µg/l	<9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
15	Carbofuran(*)	µg/l	<0,01	5	EPA 531.2
16	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
17	Cyanazine(*)	µg/l	<0,016	0,6	US EPA 525.3
18	DDT và các dẫn xuất(*)	µg/l	<0,016	1	TCVN 7876:2008
19	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
20	MCPA(*)	µg/l	<0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
21	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
22	Propanil(*)	µg/l	<0,10	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
23	Bromodicloromethane(*)	µg/l	<0,10	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
24	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	<0,20	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
25	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	<0,02	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Dibromochloromethane(*)	µg/l	<0,10	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 27 tháng 10 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Điền Thị Thương

Đỗ Mạnh Thắng



Đỗ Mạnh Thắng

Điền Thị Thương

Đỗ Mạnh Thắng

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp. "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến.
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Kiểm định.